

KẾ HOẠCH

Tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030

Triển khai thực hiện Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, như sau:

I. QUAN ĐIỂM

Một là, tái cơ cấu để thực hiện phát triển nhanh và bền vững ngành Công Thương trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và địa bàn để phát huy tối đa lợi thế so sánh của tỉnh trong chuỗi giá trị. Chủ động, đi trước một bước trong việc thử nghiệm và phát triển các mô hình tăng trưởng mới, khai thác có hiệu quả thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và quá trình hội nhập quốc tế.

Hai là, xây dựng năng lực nội tại của ngành Công Thương trên cơ sở tăng cường tự chủ về sản xuất và thị trường để hình thành năng lực sản xuất mới có tính độc lập, thích ứng và chống chịu cao trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài, bảo đảm tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị của cả nước. Phát huy thế mạnh của thị trường trong tỉnh để củng cố nội lực là yếu tố quan trọng gắn với mở rộng, đa dạng hóa thị trường bên ngoài để tăng cường sức mạnh tổng hợp, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chủ động hơn trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, tái cơ cấu ngành Công Thương phải được thực hiện đồng bộ trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo đồng bộ với tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực trọng tâm khác của nền kinh tế. Thực hiện đồng bộ hóa các chính sách công nghiệp, năng lượng và thương mại với các chính sách khác để tạo lập các điều kiện cần và đủ cho thực hiện tái cơ cấu ngành, gồm: Tiền tệ, đầu tư, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, giao thông vận tải, xây dựng, hội nhập, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện cam kết tại COP26 về biến đổi khí hậu và các chính sách khác.

Bốn là, gắn với đổi mới tư duy và hành động tiên phong để thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương. Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế và môi trường kinh doanh đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và cạnh tranh là động lực của tăng trưởng; đảm bảo thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số là đột phá; khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng

cao là công cụ; khu vực kinh tế tư nhân là lực lượng quan trọng thực hiện tái cơ cấu ngành; xanh hóa ngành Công Thương gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu là mục tiêu mang tính lâu dài, chiến lược.

Nhằm là, tái cơ cấu ngành Công Thương phải được thực hiện một cách có trọng tâm, triệt để, quyết liệt với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp uỷ, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Phát huy vai trò tiên phong, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở củng cố nhận thức, tăng cường đồng thuận, kết hợp hiệu quả giữa điều phối, phối hợp với phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ, theo nguyên tắc bám sát thực tiễn, coi trọng thực chất. Có hệ thống theo dõi, giám sát thông qua các chỉ tiêu cụ thể đo lường kết quả tái cơ cấu và gắn liền với trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ đạt mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành. Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững. Phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh có công nghiệp phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành công nghiệp phấn đấu giai đoạn 2021 – 2025 đạt 11,63%/năm, giai đoạn 2021 – 2030 đạt từ 8,5 đến 9%/năm.

- Giai đoạn 2021 – 2025: Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh chiếm 30% vào năm 2025. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 9,6%-9,9% trong GRDP tỉnh.

- Giai đoạn 2021 – 2030: Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh chiếm 40% vào năm 2030. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 18%-20% trong GRDP tỉnh.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trên địa bàn, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng.

+ Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 50% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 5% vào năm 2030.

+ Giảm tổn thất điện năng xuống 6% và giảm lượng tiêu thụ xăng dầu trong giao thông vận tải so với dự báo nhu cầu 5%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ phấn đấu đến năm 2030 ước đạt 262.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 14,2%, giai đoạn 2021 – 2030 là 15,5%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đến năm 2030 ước đạt 1.250 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 7,94%, giai đoạn 2026 – 2030 là 8,02%.

III. NHIỆM VỤ

1. Về tái cơ cấu ngành công nghiệp:

a) Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và lợi thế thương mại để tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm. Phấn đấu tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân từ 8,5%/năm trở lên.

Tập trung phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp trong tỉnh thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp. Xanh hóa các ngành công nghiệp, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên và năng lượng trong các ngành công nghiệp.

b) Chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị cả nước. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt 40%. Trong đó, tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GRDP đạt 18% - 20%, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp từ 8,5% - 9%/năm. Trong đó:

- Đối với các ngành công nghiệp nền tảng:

+ Tập trung hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành: Ưu tiên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến nông sản chủ lực của tỉnh gắn với các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn mà tỉnh có lợi thế, như: Chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu không nung, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Trong đó phát triển mạnh các sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với chế biến, như: Sắn, mía, cà phê, tiêu, cao su, điều, trái cây, cây dược liệu, gỗ, sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; chế biến thức ăn gia súc. Trong thời gian đến, phấn đấu hình thành các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu.

+ Hình thành và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tập trung thành các tổ hợp sản xuất hoàn chỉnh quy mô lớn, có tính chuyên môn hóa cao theo chuỗi giá trị trong các lĩnh vực như: Công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm ... theo hướng Khu, cụm công nghiệp chuyên ngành, sinh thái gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phấn đấu đến năm 2030 đầu tư hạ tầng kỹ thuật và thu hút các

dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Nam Pleiku, tiếp tục mở rộng Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lê Thanh lên 80 ha, hình thành Khu công nghiệp Nam Pleiku 2 với quy mô 150 ha (đến năm 2030 là 70 ha, sau năm 2030 mở rộng 80 ha). Hình thành 31 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.942,16 ha (trong đó có 10 cụm công nghiệp theo mô hình cụm công nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường).

+ Chuyển dịch cơ cấu và đa dạng hóa sản phẩm của ngành công nghiệp nền tảng, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Đối với ngành công nghiệp chế biến có lợi thế xuất khẩu:

+ Tiếp tục phát triển và nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị cả nước nhằm nâng cao sức cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị cả nước, gắn với tăng cường cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất thông minh, tự động hóa.

+ Mở rộng quy mô phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, vật liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính. Trong đó, tập trung phát triển công nghiệp sản xuất gắn với cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất thông minh, tự động hóa để sản xuất các sản phẩm như: Cao su, tinh bột sắn, cà phê, tiêu, viên nén nhiên liệu, sản phẩm gỗ nội thất từ gỗ rừng trồng, ... đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn thị trường xuất khẩu.

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm và dược liệu có tiềm năng xuất khẩu gắn với các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn để tiến tới hình thành các cụm sản xuất tập trung, chuyên môn hóa và đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu. Phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất, chế biến nông sản.

- Đối với các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ: Tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi và thu hút đầu tư các dự án công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo thông minh, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đi tắt, đón đầu trong phát triển một số ngành, sản phẩm, trong đó chú trọng phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Đối với ngành công nghiệp khai khoáng:

+ Phát triển đồng bộ, hiện đại phù hợp với tiềm năng khoáng sản gắn với mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và làm chủ chuỗi cung ứng ngành công nghiệp khai thác khoáng sản từ khâu thăm dò, khai thác, chế biến, tồn trữ, phân phối, xuất nhập khẩu.

+ Hiện đại hóa hoạt động tìm kiếm, đánh giá tiềm năng khoáng sản; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có hiệu quả, đảm bảo công tác an toàn, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, điều tra và phát triển bền vững. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn với việc cung cấp nguyên liệu cho các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Đối với ngành công nghiệp môi trường:

+ Đẩy mạnh việc ứng dụng ngành công nghiệp môi trường hiện đại, có năng lực cạnh tranh, đặc biệt là công nghệ xử lý và tái chế chất thải, công nghệ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

+ Áp dụng các quy định, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật đối với các dự án đầu tư phát triển công nghiệp môi trường; thẩm định, đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị và công nghệ môi trường.

+ Tăng cường hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật về phát triển công nghiệp môi trường qua các Hiệp định thương mại và các khung khổ hợp tác quốc tế.

c) Cơ cấu lại không gian phát triển công nghiệp của các vùng, địa phương đảm bảo tính chuyên môn hóa, phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng, địa phương về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực. Tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tạo lập không gian phát triển mới đối với các ngành công nghiệp và tham gia có hiệu quả vào các chuỗi giá trị trong tỉnh và cả nước.

- Hình thành và nâng cấp hệ thống cụm liên kết các ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp, hiệu quả theo lợi thế của các địa phương, phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

- Cơ cấu lại các khu kinh tế, khu công nghiệp theo hướng bền vững, sinh thái gắn với hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, các mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp có tính đến lợi thế so sánh của từng địa bàn, vùng theo hướng tăng cường hỗ trợ và kết nối các chuỗi cung ứng trong tỉnh nhằm thúc đẩy sự hội nhập của Gia Lai vào các chuỗi giá trị cả nước hiệu quả hơn. Cụ thể:

+ Hình thành các trung tâm phát triển công nghiệp chế biến trên cơ sở hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối của vùng như: Thành phố Pleiku – Đak Đoa – Ia Grai là trung tâm phát triển công nghiệp tỉnh; An Khê – Đak Pơ trung tâm phát triển công nghiệp các huyện phía Đông tỉnh; thị xã Ayun Pa trung tâm phát triển công nghiệp các huyện phía Đông Nam tỉnh; Chư Prông – Đức Cơ trung tâm phát triển công nghiệp các huyện phía Tây của tỉnh; Chư Sê là trọng tâm công nghiệp các huyện trên tuyến Quốc lộ 14.

+ Chú trọng phát triển năng lượng tái tạo: Trên cơ sở tiềm năng lợi thế trong việc phát triển năng lượng tái tạo của các địa phương và Quy hoạch điện lực từng giai đoạn đã được phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời và ổn định đi vào sản xuất các dự án hiện có.

d) Hình thành và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp công nghiệp trong tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp quy mô, tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước. Nâng cao khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

đ) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương. Tăng cường các hoạt động khuyến công, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; thúc đẩy các hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp nông thôn; phát huy vai trò và nâng cao năng lực thực hiện của tổ chức khuyến công từ tỉnh đến địa phương; nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về tái cơ cấu ngành năng lượng:

- Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm cung cấp, truyền tải năng lượng ổn định, chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Cụ thể: Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng của tỉnh và góp phần cung cấp năng lượng quốc gia, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm từ năm 2021-2030.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trên địa bàn, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Đến năm 2030 phấn đấu thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra.

- Khuyến khích, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh trong phát triển năng lượng.

- Chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền về quy hoạch, kế hoạch thực hiện nâng cấp, xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối từng bước hiện đại, thông minh.

3. Về tái cơ cấu lĩnh vực xuất nhập khẩu:

Phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ổn định, tập trung đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm chủ lực, có lợi thế như: Hàng nông sản, nông sản chế biến, hàng lâm sản. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 7,94%/năm, giai đoạn 2021 – 2030 tăng bình quân 8,02%/năm. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu xác định nhóm hàng nông sản, nông sản chế biến là nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, chiếm tỷ trọng hơn 83% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; nhóm hàng lâm sản, hàng khác chiếm tỷ trọng 15%. Tiếp tục phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như cà phê nhân, tiêu hạt, hạt điều, mù cao su và thúc đẩy mở rộng mặt hàng

tiềm năng: Cà phê rang xay, cà phê hòa tan, hoa quả đóng hộp, nước ép trái cây, các sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3-4 sao.

Định hướng thị trường xuất khẩu là các quốc gia đã ký kết FTA với Việt Nam. Đặc biệt khai thác triệt để Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA. Trọng tâm tìm kiếm thị trường cho hàng nông sản chủ lực: Cà phê nhân, cà phê bột, hồ tiêu, hạt điều, cao su, sắn lát, hoa quả. Trong đó:

- Thị trường châu Âu: Duy trì vững chắc và mở rộng thị phần xuất khẩu tại các quốc gia Ý, Đức, Pháp, Thụy Sĩ các mặt hàng cà phê nhân, cà phê rang xay, cà phê hòa tan, nước ép hoa quả,... Đẩy mạnh công tác xúc tiến xuất khẩu sang thị trường châu Âu, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thông qua việc tổ chức hội chợ, triển lãm và hội thảo chuyên đề. Tăng cường phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, Cục Xúc tiến Thương mại và các Tham tán thương mại Việt Nam kịp thời thông tin, cảnh báo sớm về những rào cản kỹ thuật của các nước để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu giải pháp ứng phó.

- Thị trường châu Á: Tăng cường xuất khẩu những mặt hàng như: Cà phê, cao su, tiêu, hạt điều, trái cây đóng hộp, sản phẩm gỗ, hàng tiêu dùng. Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào kênh thương mại điện tử, mua bán qua mạng để giới thiệu sản phẩm, tiết kiệm chi phí giao dịch... Thâm nhập vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi của các quốc gia này tại Việt Nam, hoặc trực tiếp tại các nước. Đối với thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản tăng cường hoạt động giao thương giữa doanh nghiệp nhằm mục đích kết nối doanh nghiệp, tạo cơ hội cho doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu cà phê hòa tan, sản phẩm gỗ, mủ cao su bán thành phẩm. Riêng thị trường Lào, Campuchia yêu cầu về chất lượng không quá nghiêm ngặt, cần đẩy mạnh xuất khẩu hàng tiêu dùng, sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao: Cà phê rang xay, bò khô, tiêu, mật ong, tinh bột nghệ... Duy trì, mở rộng thị phần tại các quốc gia Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Mianma với mặt hàng đã xuất khẩu được: Hạt điều, hạt tiêu, cà phê nhân.

- Thị trường Hoa Kỳ: Đây là thị trường nhiều tiềm năng cho phát triển xuất khẩu của tỉnh và yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng, nhiều rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại. Cần có chiến lược lâu dài để phát triển, khai thác để có thể mở rộng quy mô xuất khẩu. Đối với tỉnh, đã xuất khẩu được cà phê nhân, mủ cao su latex, sản phẩm gỗ. Thời gian tới, phát triển xuất khẩu các mặt hàng như: Cà phê rang xay, cà phê hòa tan, sản phẩm gỗ nội thất, cao su bán thành phẩm, nước ép hoa quả, hoa quả đóng hộp.

- Thị trường Trung Quốc: Củng cố và đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu: Mủ cao su bán thành phẩm, sắn lát, tinh bột sắn, hoa quả sơ chế; tiếp tục mở rộng thị trường cho các sản phẩm OCOP đạt chất lượng: Chè xanh, mật ong, tinh nghệ, bò khô, cà phê rang xay... Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu hình thức chính ngạch nhằm giảm thiểu rủi ro. Tiếp tục cập nhật, cung cấp quy định mới về nhập khẩu từ phía Trung Quốc cho doanh nghiệp xuất khẩu, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục liên quan đến xuất khẩu.

4. Về tái cơ cấu thị trường trong nước:

Phát triển nhanh, bền vững thị trường nội địa kết nối với thị trường xuất nhập khẩu; phát triển các mô hình kinh tế tiêu dùng mới như kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế số, thương mại điện tử... Phân đầu tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2021 - 2030 đạt tốc độ tăng bình quân 15,5%/năm.

Triển khai Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng tới năm 2030; Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa giai đoạn 2021-2025.

Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 140.000 tỷ đồng vào năm 2025 và đạt khoảng 262 nghìn tỷ đồng vào năm 2030. Đến năm 2030, tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các khu vực kinh tế trong tỉnh chiếm khoảng 95%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh chiếm khoảng 5%; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trao đổi qua cơ sở bán lẻ hiện đại như: siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng mini chiếm trên 40%; doanh thu trao đổi qua thương mại điện tử đến năm 2030 chiếm khoảng 10,5% - 11% tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Phát triển thương mại điện tử thành một kênh phân phối quan trọng, hỗ trợ tích cực trong tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh tham gia các sàn thương mại điện tử. Doanh số thương mại điện tử hàng năm (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) tăng trung bình khoảng 20%/năm, chiếm khoảng 8% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của toàn tỉnh.

Thực hiện công tác quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất và thị trường trong nước trong bối cảnh ngày càng gia tăng cạnh tranh từ bên ngoài. Phối hợp thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả lĩnh vực công thương.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về Hội nhập kinh tế quốc tế cho công chức, doanh nghiệp, người lao động thông qua nhiều hình thức như: Các bản tin trên sóng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm tuyên truyền, tờ rơi, hội nghị tập huấn. Đối với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, RCEP... tập trung tuyên truyền tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp bảo hộ mậu dịch, hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; các cam kết trong từng lĩnh vực hàng hóa cụ thể để doanh nghiệp nắm quy định về sản phẩm tại thị trường các nước đối tác tham gia Hiệp định.

Phối hợp với cơ quan đầu mối là Bộ Công Thương tổ chức các hội thảo, tập huấn chuyên sâu về các Hiệp định thương mại tự do trong một số lĩnh vực như: Thuế, quy tắc xuất xứ, đầu tư, dịch vụ, hải quan, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, nông, lâm, ngư nghiệp, lao động, môi trường thông qua các hình thức phù hợp, đẩy mạnh sử dụng môi trường kỹ thuật số hoặc đăng tải tài liệu trên các trang thông tin điện tử của cơ quan nhằm tăng khả năng tiếp cận của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tính tương tác, hiệu quả, tiết kiệm.

Tăng cường hợp tác, kết nối với doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài, các nước thành viên của các FTA; tuyên truyền, cung cấp thông tin về thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước để doanh nghiệp kịp thời nắm bắt thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của thị trường các nước thành viên các FTA hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh phát triển sản xuất kinh doanh, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về thị trường nước ngoài, lộ trình miễn giảm thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do, chính sách pháp luật mới liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu...Thiết lập mối quan hệ với Thương vụ, Tham tán Thương mại Việt Nam tại các nước để tiếp nhận và phổ biến thông tin về tình hình thị trường nước ngoài.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tổ chức chương trình hợp tác, kết nối cung cầu và kết nối giao thương giữa Việt Nam với các nước; hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành và đa ngành; gặp gỡ, đối thoại với Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và số hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của ngành Công Thương. Thực hiện các chính sách, pháp luật của ngành Công Thương thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp và người dân. Đảm bảo phù hợp với bối cảnh mới và các cam kết quốc tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo lập môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao.

a) Trong lĩnh vực công nghiệp:

- Thúc đẩy hoạt động phát triển công nghiệp trên địa bàn; thực hiện có hiệu quả công tác điều phối, phân cấp theo ngành, vùng và giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp. Triển khai thực hiện các đạo luật làm cơ sở pháp lý để phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp nền tảng; tạo lập khuôn khổ pháp lý cho phát triển sản xuất thông minh và các cơ chế thử nghiệm, thí điểm có kiểm soát.

- Xây dựng tiêu chí để cơ cấu lại danh mục các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên cho giai đoạn tới năm 2030 và 2045 để đảm bảo tính thống nhất và theo hướng thu hẹp để tập trung ưu tiên và bố trí nguồn lực, đặc

biệt là nguồn lực về đầu tư để phát triển có trọng tâm, trọng điểm.

- Rà soát, xây dựng các kế hoạch phát triển công nghiệp đối với các ngành công nghiệp trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tích hợp quy hoạch phát triển công nghiệp vào quy hoạch tỉnh theo lợi thế phát triển của địa phương.

- Triển khai áp dụng các cơ chế, chính sách về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá. Ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp hoặc có lợi thế về giao thông, địa kinh tế, tài nguyên, lao động, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng và thúc đẩy Gia Lai tham gia vào chuỗi giá trị cả nước.

- Triển khai chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ hỗ trợ công nghiệp, các trung gian cung cấp dịch vụ tư vấn công nghiệp trên địa bàn về đầu tư, tài chính, thị trường, xúc tiến thương mại.

- Triển khai Quy chế quản lý cụm công nghiệp và các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cụm công nghiệp theo hướng khuyến khích doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, tăng cường xã hội hóa trong đầu tư phát triển cụm công nghiệp và xử lý tốt các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu của các cụm công nghiệp.

b) Trong lĩnh vực năng lượng:

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, bền vững, đặc biệt là cơ sở hạ tầng năng lượng kết nối khu vực. Phát triển hệ thống tích trữ năng lượng.

- Triển khai chính sách phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh và hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng. Khuyến khích tiêu thụ năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông. Triển khai thực hiện các hướng dẫn, khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng mới.

- Triển khai và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Từng bước chuyển dịch từ cơ chế “tự nguyện” sang “bắt buộc” về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng đối với một số lĩnh vực như sản xuất công nghiệp; thương mại, dịch vụ; giao thông; nông nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả các quy hoạch năng lượng quốc gia theo Luật Quy hoạch, gồm quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia.

- Kiểm soát giá các mặt hàng năng lượng (điện, xăng dầu) trong tỉnh theo cơ chế thị trường, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế và có mức lợi nhuận hợp lý để phát triển bền vững doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh năng lượng.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng. Số hóa các hoạt động tiếp cận năng lượng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng; các hoạt động quản lý,

vận hành hệ thống năng lượng.

- Đối với ngành điện:

+ Triển khai cơ chế điều hành thực hiện các dự án điện nhằm siết lại kỷ cương trong tổ chức thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển điện, các chính sách về phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo tại tỉnh.

+ Thực hiện các quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng và phát triển các hệ thống điện mặt trời mái nhà (HTĐMTMN), đặc biệt các HTĐMTMN có công suất từ 100kWp trở lên phải lắp đặt hệ thống giám sát, điều khiển từ xa, kết nối với hệ thống điều độ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để các chủ đầu tư phối hợp vận hành hệ thống điện.

+ Triển khai thực hiện các quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá phát điện, công tác giao nhận tài sản các công trình điện.

+ Nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ chế cho phép các HTĐMTMN có công suất từ 100 kWp trở lên được kết nối với hệ thống điện và giám sát từ xa.

+ Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện tách bạch với độc quyền nhà nước về truyền tải điện.

+ Ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả và tiết kiệm.

c) Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu:

- Triển khai thực hiện khung chính sách, pháp luật về xuất nhập khẩu nhằm khai thác có hiệu quả các FTA đã ký kết. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030. Xây dựng các kế hoạch phát triển các ngành hàng, thị trường xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện các chính sách, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu qua các nền tảng số, gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin vào bảo vệ dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý của Việt Nam.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu:

+ Cải thiện môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng hơn để thu hút các nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp phép đầu tư, hải quan, thuế. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật quốc tế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và doanh nghiệp. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

+ Triển khai kịp thời chính sách của Nhà nước về tài chính, tín dụng, đầu tư tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tiếp cận vốn vay. Đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ phục vụ xuất nhập khẩu và dịch vụ logistics. Nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng trong việc thực hiện tốt chức năng cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

- Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa của tỉnh qua hệ thống phân phối ở nước ngoài, đặc biệt là hệ thống phân phối bán lẻ hàng hóa châu Á. Tăng cường hỗ trợ kết nối giữa các doanh nghiệp xuất khẩu với các tập đoàn phân phối quốc

tế. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp phân phối lớn của tỉnh đầu tư ra nước ngoài gắn với phân phối hàng hóa của Việt Nam ở nước ngoài.

- Xây dựng và triển khai các chương trình về xúc tiến nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc đa dạng hóa thị trường và mặt hàng nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nhà cung ứng, các thị trường, mặt hàng nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong nước chưa sản xuất được; nguyên, vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất trong tỉnh. Cụ thể:

+ Nâng cao chất lượng chương trình xúc tiến thương mại, tổ chức chuỗi sự kiện quảng bá, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu hàng hóa. Đẩy mạnh chương trình hợp tác, kết nối cung cầu giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tham gia kết nối giao thương giữa Việt Nam với các nước; hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tăng cường tập huấn, đào tạo ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện nghiệp vụ xúc tiến thương mại trực tuyến và tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế.

+ Thực hiện công tác xúc tiến thương mại, tổ chức chương trình hợp tác, kết nối cung cầu giữa các tỉnh, thành phố tham gia giao thương giữa Việt Nam với các nước; hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá các sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành và đa ngành; gặp gỡ, đối thoại với các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu.

+ Phát triển thương mại điện tử; tăng cường tập huấn, đào tạo ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động xuất khẩu; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp thực hiện phương pháp tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại, phi truyền thống như: Hội chợ triển lãm trực tuyến, đào tạo trực tuyến, tìm kiếm đối tác trên không gian mạng thông qua việc thuê gian hàng của các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới như Amazon, Alibaba... để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu.

- Tăng cường năng lực cho các tổ chức hỗ trợ thương mại cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thông tin về các tổ chức, chuyên gia tư vấn về xúc tiến thương mại.

- Tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của thị trường xuất khẩu, đáp ứng các quy tắc nguồn gốc xuất xứ để tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết gắn với nâng cao năng lực cho các tổ chức chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn mực quốc tế và được quốc tế thừa nhận. Hỗ trợ doanh nghiệp chủ động ứng phó và xử lý có hiệu quả các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường, mặt hàng và hỗ trợ kết nối xúc tiến xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng và giá trị cho hàng hóa xuất khẩu:

+ Tập trung thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu: Thực hiện tốt quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh đảm bảo nguồn nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu. Tổ chức sản xuất nông sản hàng hoá quy mô lớn theo chuỗi giá trị gắn với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu,

đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa, cải tiến mẫu mã sản phẩm; áp dụng hệ thống quản lý liên tiến, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như: ISO 9001, ISO 22000, HACCP... nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản xuất khẩu. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho sản phẩm trong nước và nước ngoài; xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý mang tên địa danh những mặt hàng chủ lực của tỉnh; chủ động bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện các chính sách thúc đẩy xuất, nhập khẩu chính ngạch, theo hợp đồng đối với thương mại biên giới gắn với tăng cường kiểm tra, kiểm soát, chống gian lận thương mại.

- Thực hiện có hiệu quả các công cụ quản lý nhập khẩu, nhất là nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được, máy móc thiết bị và công nghệ lạc hậu, có khả năng làm tổn hại môi trường, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu. Thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về quản lý hàng hóa nhập khẩu.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển hệ thống trung tâm logistics hoàn chỉnh, có tính liên kết cao. Ưu tiên, chú trọng kêu gọi đầu tư dự án xây dựng Trung tâm Logistics Tây Nguyên. Đây chính là chìa khóa mở ra tiềm lực của các địa phương kết nối, từ đó tạo đà và thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển. Ưu tiên xây dựng một số trung tâm logistics tại các khu, cụm công nghiệp để tạo động lực phát triển các chuỗi cung ứng của tỉnh. Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics trong tỉnh.

d) Trong lĩnh vực phát triển thị trường trong nước:

- Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi các chính sách và pháp luật nhằm khuyến khích phát triển thị trường đối với các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số... để kích cầu, mở rộng quy mô thị trường trong tỉnh.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ kết nối sản xuất với thị trường. Phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa nhằm đảm bảo ổn định cung cầu hàng hóa sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam. Triển khai hệ thống số về truy xuất nguồn gốc hàng hóa trong nước nhằm tăng cường quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường. Tăng cường áp dụng hệ thống số truy xuất nguồn gốc hàng hóa nông sản và thực phẩm qua hệ thống phân phối hiện đại.

- Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các trung tâm mua sắm và tiêu dùng lớn, đa năng phục vụ khách hàng. Tập trung thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển một số loại hình hạ tầng thương mại có tính chất trọng tâm, trọng điểm như hệ thống chợ đầu mối gắn với các trung tâm logistics. Khuyến khích đầu tư phát triển và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã

thương mại, hộ kinh doanh đổi mới phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi phân phối sản phẩm Việt Nam tại thị trường trong và ngoài tỉnh; tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong tỉnh vào các chương trình kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh liên kết bền vững giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại.

- Triển khai thực hiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Triển khai các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xây dựng nền tảng công nghệ số cho thương mại điện tử và phát triển các dịch vụ hạ tầng logistic phục vụ thương mại điện tử. Hỗ trợ, khuyến khích việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bán hàng đa cấp.

- Triển khai thực hiện khung khổ pháp luật về phòng vệ thương mại để tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, ngành sản xuất, xuất khẩu và thị trường trong bối cảnh mới.

đ) Hội nhập quốc tế về kinh tế:

- Thực hiện cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm khai thác có hiệu quả thế mạnh của từng ngành, địa bàn trong hội nhập.

- Triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập để tập trung triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

2. Huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương:

a) Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư:

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công trong lĩnh vực Công Thương theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

- Tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào các dự án lớn, quan trọng của tỉnh, kết nối vùng và liên vùng, tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa và gia tăng động lực tăng trưởng trong các ngành, lĩnh vực then chốt như: Công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp môi trường, năng lượng sạch, hạ tầng thương mại, thương mại điện tử; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị, các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa...

- Xây dựng các tiêu chí, điều kiện về thu hút đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư FDI vào ngành công nghiệp, năng lượng và hạ tầng thương mại

phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn. Ưu tiên các dự án FDI có định hướng rõ ràng về sử dụng linh phụ kiện sản xuất, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, có liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Đòi mới đầu tư nhằm thu hút, đón đầu có hiệu quả xu hướng dịch chuyển đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là các chuỗi cung ứng hàng công nghiệp trên thế giới và ở khu vực, dòng đầu tư đang dịch chuyển do tác động của các xung đột thương mại và dịch bệnh COVID-19. Triển khai thực hiện các quy định khắc phục chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát thải cao đối với đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghiệp.

- Tăng cường khuyến khích, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng ở địa bàn phù hợp, đặc biệt là với các nước ASEAN.

- Tăng cường thu hút, đa dạng hoá các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nguồn điện và lưới điện. Đa dạng hóa nguồn vốn, các hình thức huy động vốn (vốn tín dụng ngân hàng, vốn viện trợ...) nhằm thu hút có hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài nước vào phát triển năng lượng tái tạo.

b) Thực hiện linh hoạt, hiệu quả các công cụ tài chính, tiền tệ:

- Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa quy trình, thủ tục tiếp cận tài chính, tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các quỹ, chương trình, đề án về hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp có các dự án đầu tư bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp và trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách tài chính, tín dụng ưu đãi, các chương trình mở rộng tín dụng khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp môi trường, phát thải thấp, ...; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị, các dự án đầu tư theo cụm liên kết ngành công nghiệp, chuỗi cung ứng theo hệ thống phân phối, các dự án của doanh nghiệp khởi nghiệp, chuyển đổi số có tiềm năng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp.

- Thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon, công nghiệp môi trường, các ngành hàng xuất khẩu.

- Hoàn thiện hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, chứng từ điện tử, thương mại không giấy tờ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử và phát triển các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng số.

- Triển khai cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho phát triển tín dụng tiêu dùng để mở rộng tiêu dùng gắn với tăng cường quản lý rủi ro.

c) Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số nhằm tạo bút phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức

ạnh tranh của ngành:

- Thiết lập môi trường thuận lợi thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghiệp sản xuất thông minh, các mô hình kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng số, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị...

- Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với mục tiêu phát triển ngành, nhu cầu đổi mới và nâng cấp công nghệ của doanh nghiệp, phát triển chuỗi giá trị của sản phẩm và tạo giá trị gia tăng cao. Ưu tiên triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm về nâng cao năng suất, chất lượng trong các ngành công nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng, thương mại điện tử, cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa; phát triển các sản phẩm, dịch vụ số...

- Thực hiện tiêu chuẩn hóa, cấp chứng nhận, đánh giá hợp chuẩn, hợp quy thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực và hài hòa hóa với thông lệ quốc tế (kiểm tra, xét nghiệm, cấp chứng nhận cho sản phẩm và tổ chức); khuyến khích phát triển và có chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức chứng nhận độc lập trong nước và được cộng đồng quốc tế công nhận.

- Thực hiện tái cơ cấu các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tăng cường đầu tư có trọng điểm để hình thành các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có tiềm lực mạnh, giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng, cốt lõi, có ý nghĩa quyết định tới năng lực cạnh tranh và khả năng dẫn dắt đối với nền sản xuất trong tỉnh. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa đối với các kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung vào kết quả, tạo thuận lợi và khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào hoạt động khoa học và công nghệ của ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp.

d) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng ngành:

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Công Thương theo từng giai đoạn cụ thể. Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động về chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển toàn diện, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

- Tăng cường kết nối và đẩy mạnh hợp tác giữa các cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp.

đ) Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp:

- Triển khai thực hiện các chính sách tạo động lực để củng cố và phát triển một số doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt ở một số ngành, lĩnh vực, đủ sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và cả nước, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, phân phối, thương mại điện tử... gắn với tăng cường giám sát, chống độc quyền.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các cụm liên kết ngành,

chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị cả nước. Triển khai các chương trình kết nối giữa các doanh nghiệp trong tỉnh và doanh nghiệp FDI. Khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài tiến hành đào tạo tại chỗ thường xuyên và liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động trong tỉnh và tiếp thu các mô hình quản trị, phương thức kinh doanh tiên tiến.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh chuyển đổi số, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên như thương mại điện tử, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cải tiến công nghệ; áp dụng các mô hình quản trị, sản xuất hiện đại, bền vững, tuần hoàn và ít phát thải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phát triển bền vững; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, các bon thấp, trách nhiệm xã hội, lao động của các thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy theo hướng đẩy mạnh phân cấp phân quyền; thực hiện chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành:

a) Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước của ngành Công Thương:

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

- Tổ chức lại các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội từ tỉnh đến địa phương tham gia vào công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Hoàn thiện hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công.

b) Thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và số hóa công tác quản lý của ngành Công Thương:

- Thiết kế đồng bộ và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu và gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính của ngành Công Thương từ tỉnh đến địa phương.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, số hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, đưa vào thực hiện các hình thức liên thông trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai thực hiện các chính sách và giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số ngành Công Thương, đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử của ngành Công Thương.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, các điều

kiện đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành thống nhất từ tỉnh đến địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương gắn với xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về điều kiện đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành thuộc ngành Công Thương.

- Tăng cường quản lý ngành theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn phù hợp với chuẩn mực quốc gia. Đẩy mạnh sử dụng công cụ quản lý nhà nước chủ yếu bằng điều tiết gián tiếp, tăng cường hậu kiểm. Hạn chế sự can thiệp của Nhà nước trong các hoạt động kinh tế gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng các công nghệ phù hợp và dữ liệu trong quản lý ngành.

4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững:

a) Triển khai thực hiện chính sách và khung pháp luật hỗ trợ thực hiện mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp, sản xuất và tiêu dùng bền vững nhằm đóng góp có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững cam kết của Việt Nam tại COP26.

b) Triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong ngành Công Thương.

c) Xây dựng và quy hoạch hệ thống các khu vực, nhà máy xử lý chất thải tập trung, có công nghệ cao, hiện đại. Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải, nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp sinh thái. Tăng cường tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp các giải pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng huấn luyện về kỹ thuật an toàn cho người lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp phát thải lớn.

d) Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, phát thải các bon thấp đối với hàng hóa xuất khẩu; phát triển xuất khẩu các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm xanh, các bon thấp...; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về các quy định, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thông tin về môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn lao động...

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động thương mại. Thực hiện chính sách kiểm soát nhập khẩu, lưu thông hàng hóa, máy móc, thiết bị đảm bảo các yêu cầu về môi trường, biến đổi khí hậu; khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng.

đ) Khuyến khích, thúc đẩy tiêu dùng xanh. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc phân phối và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm xanh, các sản phẩm các bon thấp...; đẩy mạnh phát triển hệ thống cửa hàng, siêu thị xanh, thân thiện môi trường, giảm thiểu sử dụng túi nilon trong

các chuỗi siêu thị.

5. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý ngành; tăng cường công tác thông tin và chia sẻ thông tin; nâng cao năng lực và nhận thức cho các bên liên quan về tái cơ cấu ngành Công Thương:

a) Rà soát, nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương từ tỉnh đến địa phương bảo đảm thống nhất phục vụ cho việc theo dõi, giám sát và phát triển ngành.

b) Nâng cấp, xây dựng và đồng bộ hóa công nghệ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu về thương mại, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do (các thông tin về thị trường, mặt hàng, doanh nghiệp, các nhà cung cấp, các nhà phân phối, các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu, các cam kết thương mại...); thông tin cảnh báo về các biến động thị trường xuất nhập khẩu... phục vụ tra cứu của doanh nghiệp và cơ quan quản lý, kết nối kinh doanh cho các doanh nghiệp. Xây dựng và phổ biến các cẩm nang hướng dẫn xuất nhập khẩu theo thị trường, mặt hàng.

c) Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo các sở, ban, ngành với các doanh nghiệp và các hiệp hội. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thường niên các diễn đàn đối thoại công tư trong lĩnh vực Công Thương, tập trung vào các vấn đề trọng tâm, ưu tiên trong tái cơ cấu ngành.

d) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền. Tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức hỗ trợ công nghiệp, thương mại về tái cơ cấu ngành Công Thương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi quá trình thực hiện Kế hoạch.

b) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm theo các chỉ tiêu được ban hành kèm theo Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến 2030.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư; phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế; kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính:

Vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của Sở

Công Thương và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính rà soát, cân đối, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến 2030.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai:

Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động ngân hàng theo chức năng; các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến 2030.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học - công nghệ; tổng hợp danh mục nhiệm vụ và kinh phí hằng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ hằng năm cho triển khai các hoạt động khoa học công nghệ thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường hằng năm cho triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật; phát triển thị trường cho các sản phẩm của ngành nông nghiệp.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến năm 2030.

8. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ được giao

9. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư; phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế; kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh; các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến 2030.

10. Các sở, ngành; Mặt trận, đoàn thể tỉnh:

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương và các sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc Kế hoạch.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan trong tổ chức triển khai các nội dung có liên quan của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo. /s

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- Website UBND tỉnh, Sở Công Thương;
- Lưu: VT, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế



Phụ lục 01

**CÁC CHỈ TIÊU TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG
TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030**

(Xem theo Kế hoạch số: 1326 /KH-UBND ngày 05 /06/2023 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Chỉ tiêu	2021 - 2025	2021 - 2030
I	Về phát triển công nghiệp: 05 chỉ tiêu		
01	Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP tỉnh	30% vào năm 2025	40% vào năm 2030
02	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP tỉnh	9,6% - 9,9%	18% - 20%
03	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân/năm	11,63%	8,5-9%
04	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân/năm	11,1%	
05	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân /năm	6-7%	6-6,5%
II	Về phát triển năng lượng: 03 chỉ tiêu		
01	Tổng công suất của các nguồn điện		3 GW
02	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp		50%
03	Giảm mức tiêu hao năng lượng trên GRDP hàng năm		1 – 1,5%
III	Về phát triển xuất nhập khẩu: 02 chỉ tiêu		
01	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân/năm	7,94%	8,02%
02	Tỷ trọng nhóm hàng nông sản chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu	83% vào năm 2025	85% vào năm 2030
IV	Về phát triển thị trường trong nước: 04 chỉ tiêu		
01	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân/năm (chưa loại trừ yếu tố giá)	14,20%	15,50%

02	Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa theo loại hình thương mại hiện đại	38%	40%
03	Tốc độ tăng trưởng doanh số thương mại điện tử B2C bình quân/năm (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến)	20%	18%
04	Tỷ trọng doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	8% vào năm 2025	10,5%-11% vào năm 2030



Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số:1326 /KH-UBND ngày 05 /06/2023 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp và thương mại địa phương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh
2	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp môi trường đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh
3	Kế hoạch triển khai Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	UBND tỉnh
4	Kế hoạch triển khai Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	UBND tỉnh
5	Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2025 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	UBND tỉnh
6	Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	UBND tỉnh
7	Kế hoạch triển khai chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp giai đoạn 2026 – 2030 từ ngân sách trung ương	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	UBND tỉnh
8	Kế hoạch triển khai chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023-2025	UBND tỉnh
	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển chợ của tỉnh Gia Lai đến năm	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	UBND tỉnh

9	2030	Thương	vị liên quan		tỉnh
10	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hạ tầng hỗ trợ thương mại điện tử quốc gia của tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	UBND tỉnh
11	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển dịch vụ logistics tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023	UBND tỉnh
12	Kế hoạch triển khai thực hiện đề án thí điểm đầu tư các khu công nghiệp tập trung tại một số địa phương phù hợp theo mô hình cụm liên kết ngành sản xuất các linh kiện, phụ tùng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023-2025	UBND tỉnh
13	Kế hoạch thực hiện Đề án về hỗ trợ nâng cao năng lực đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn, quy tắc về nguồn gốc xuất xứ của các thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	UBND tỉnh
14	Kế hoạch thực hiện đề án xanh hoá công nghiệp giai đoạn đến 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2024	UBND tỉnh
15	Báo cáo công tác triển khai thực hiện các chính sách tín dụng theo sự chỉ đạo của chính phủ và NHNN Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận vốn để đầu tư vào một số lĩnh vực như: công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp nền tảng, các dự án đầu tư theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Gia Lai	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2024	UBND tỉnh
16	Báo cáo rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, tiêu chí, điều kiện về thu hút đầu tư FDI vào lĩnh vực công nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2024	UBND tỉnh
17	Báo cáo rà soát, bổ sung chính sách về thuế, phí, lệ phí phù hợp với thực tiễn, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023 - 2024	UBND tỉnh

	vào lĩnh vực công nghiệp, thương mại				
--	--------------------------------------	--	--	--	--